

Số: 02/2015/QĐ-UBND

Bàu Bàng, ngày 22 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành mức thu phí trông giữ xe đạp, xe đạp máy,
xe máy điện, xe máy, xe ô tô trên địa bàn huyện Bàu Bàng**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu phí trông giữ xe đạp, xe đạp máy, xe máy điện, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành mức thu phí trông giữ xe đạp, xe đạp máy, xe máy điện, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Công văn số 56/PTCKH ngày 12 tháng 3 năm 2015,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu phí tối đa trông giữ xe đạp, xe đạp máy, xe máy điện, xe máy, xe ô tô trên địa bàn huyện Bàu Bàng như sau:

1. Đối tượng được thu phí trông giữ xe đạp, xe đạp máy, xe máy điện, xe máy, xe ô tô: là các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác và cá nhân cung cấp dịch vụ có đủ điều kiện trông giữ xe theo quy định.

2. Không thu phí giữ phương tiện giao thông của người đến giao dịch, làm việc tại các cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước.

3. Mức thu tối đa trông giữ xe đạp, xe đạp máy, xe máy điện, xe máy, xe ô tô:

a) Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe do nhà nước đầu tư:

a1) Đối với các nơi không thuộc các điểm, bãi trông giữ xe ở các bệnh viện, phòng khám, bệnh xá, trạm xá, trường học, chợ, bến xe và các công trình công cộng do Nhà nước đầu tư.

- Mức thu phí trông giữ xe ban ngày (từ 06 giờ đến 21 giờ) hoặc ban đêm (từ 21 giờ đến 06 giờ):

Nội dung	Mức thu (Ngàn đồng/lượt)
- Xe đạp	1
- Xe đạp máy, xe máy điện	3
- Xe máy	4
- Xe ô tô	
+ Xe từ 4 chỗ ngồi đến 9 chỗ ngồi	10
+ Xe trên 9 chỗ ngồi đến 25 chỗ ngồi, xe tải 5 tấn trở xuống	15
+ Xe trên 25 chỗ ngồi, xe tải trên 5 tấn	20

- Mức thu phí trông giữ xe cả ngày và đêm:

Nội dung	Mức thu (Ngàn đồng/lượt)
- Xe đạp	2
- Xe đạp máy, xe máy điện	6
- Xe máy	8
- Xe ô tô	
+ Xe từ 4 chỗ ngồi đến 9 chỗ ngồi	20

+ Xe trên 9 chỗ ngồi đến 25 chỗ ngồi, xe tải 5 tấn trở xuống	30
+ Xe trên 25 chỗ ngồi, xe tải trên 5 tấn	40

- Mức thu phí trông giữ xe tháng ban ngày hoặc ban đêm:

Nội dung	Mức thu (Ngàn đồng/tháng)
- Xe đạp	30
- Xe đạp máy, xe máy điện	80
- Xe máy	110
- Xe ô tô	
+ Xe từ 4 chỗ ngồi đến 9 chỗ ngồi	300
+ Xe trên 9 chỗ ngồi đến 25 chỗ ngồi, xe tải 5 tấn trở xuống	400
+ Xe trên 25 chỗ ngồi, xe tải trên 5 tấn	500

- Trường hợp trông giữ xe theo tháng cả ngày và đêm: Mức thu phí tối đa không quá 1,5 lần mức thu phí trông giữ xe tháng ban ngày hoặc ban đêm.

a2) Đối với các điểm, bãi trông giữ xe ở các bệnh viện, phòng khám, bệnh xá, trạm xá, trường học, chợ, bến xe và các công trình công cộng do Nhà nước đầu tư

- Mức thu phí trông giữ xe ban ngày (từ 06 giờ đến 21 giờ) hoặc ban đêm (từ 21 giờ đến 06 giờ):

Nội dung	Mức thu (Ngàn đồng/lượt)
- Xe đạp	1
- Xe đạp máy, xe máy điện	2
- Xe máy	3
- Xe ô tô	
+ Xe từ 4 chỗ ngồi đến 9 chỗ ngồi	8
+ Xe trên 9 chỗ ngồi đến 25 chỗ ngồi, xe tải 5 tấn trở xuống	12
+ Xe trên 25 chỗ ngồi, xe tải trên 5 tấn	18

- Mức thu phí trông giữ xe cả ngày và đêm:

Nội dung	Mức thu (Ngàn đồng/lượt)
- Xe đạp	2



- Xe đạp máy, xe máy điện	4
- Xe máy	6
- Xe ô tô	
+ Xe từ 4 chỗ ngồi đến 9 chỗ ngồi	15
+ Xe trên 9 chỗ ngồi đến 25 chỗ ngồi, xe tải 5 tấn trở xuống	24
+ Xe trên 25 chỗ ngồi, xe tải trên 5 tấn	35

- Mức thu phí trông giữ xe tháng ban ngày hoặc ban đêm:

Nội dung	Mức thu (Ngàn đồng/tháng)
- Xe đạp	20
- Xe đạp máy, xe máy điện	40
- Xe máy	50
- Xe ô tô	
+ Xe từ 4 chỗ ngồi đến 9 chỗ ngồi	250
+ Xe trên 9 chỗ ngồi đến 25 chỗ ngồi, xe tải 5 tấn trở xuống	350
+ Xe trên 25 chỗ ngồi, xe tải trên 5 tấn	450

- Trường hợp trông giữ xe theo tháng cả ngày và đêm: Mức thu phí tối đa không quá 1,5 lần mức thu phí trông giữ xe tháng ban ngày hoặc ban đêm.

b) Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe không do nhà nước đầu tư

- Mức thu phí trông giữ xe đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe không do nhà nước đầu tư được tính trên mức thu phí áp dụng đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe do nhà nước đầu tư nhân (x) hệ số.

- Điểm đỗ, bãi trông giữ xe không có mái che: Hệ số 1.

- Điểm đỗ, bãi trông giữ xe có mái che, quản lý thủ công, có hệ thống quản lý phương tiện và điểm đỗ: Hệ số 1,5.

- Điểm đỗ, bãi trông giữ xe có mái che, trang bị hệ thống giám sát, camera theo dõi kiểm tra phương tiện, kiểm soát vé xe ra vào bằng thẻ từ: Hệ số 2.

Điều 2. Chế độ quản lý, sử dụng

1. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được:

a) Đối với các đơn vị được tổ chức theo loại hình doanh nghiệp, các hộ kinh doanh: số phí trông giữ xe được tính là doanh thu của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh có trách nhiệm quản lý, sử dụng số phí trông giữ xe theo chế độ quy định về phí, lệ phí và thực hiện nghĩa vụ về thuế với nhà nước theo các quy định hiện hành.

b) Đối với đơn vị thu phí trông giữ xe do nhà nước đầu tư: Được để lại một trăm phần trăm (100%) số thu phí để trang trải chi phí cho việc trông giữ xe và bổ sung vào nguồn kinh phí hoạt động hàng năm của đơn vị.

2. Chứng từ thu phí:

a) Trường hợp thu phí thuộc ngân sách nhà nước: Sử dụng biên lai thu phí do Cơ quan thuế phát hành hoặc tự in, đặt in theo quy định tại Thông tư 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

b) Trường hợp thu phí ngoài ngân sách: Sử dụng hóa đơn theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế.

Điều 3. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện trên địa bàn mình quản lý không vượt quá mức tối đa quy định tại Quyết định này. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp Đài truyền thanh và các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến người dân.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể huyện;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Các cơ quan, phòng, ban, ngành cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã;
- Lưu: VT. vx

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Minh